

Bản án số: 817/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 01/08/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Bích Duyên

2. Bà Ngô Thị Kim Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2023/TLPT-HNGĐ ngày 20/6/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 233/2023/HNGĐ-ST ngày 17/04/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2747/2023/QĐ-PT ngày 10/07/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bànng Đạo P, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu công nghiệp T, xã H, huyện Đ, Tỉnh L.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: đường C, phường K, quận K, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: đường V, phường K quận K, Thành phố H.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Luật sư Phạm Mạnh Hùng, Văn phòng luật sư Sunny Nguyễn, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Bànng Đạo P trình bày:

Năm 2009 ông P và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2 quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 22/07/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, từ chuyện tình cảm vợ chồng, việc làm ăn và nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông P yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bàng Bá K (nam), sinh ngày 14/01/2010 và Bàng Bá C (nam), sinh ngày 29/11/2012. Thời gian ly thân hai con chung do bà T chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng ông P vẫn cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/tháng. Sau khi ly hôn, ông P đồng ý giao 2 con cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông P về quan hệ hôn nhân, con chung tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông P có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên vợ chồng hay gây gổ. Sau khi biết chuyện bà T đã đơn phương xin ly hôn nhưng sau đó vì muốn giữ gia đình cho con và nghĩ ông P còn trẻ ham vui, chơi chán sẽ nghĩ đến gia đình nên bà T bỏ qua và rút lại đơn kiện nhưng từ đó đến nay ông P không thay đổi. Bà T ông P đã tự hòa giải nhiều lần với nhau nhưng không thành, năm 2021 cả hai chính thức ly thân cho đến nay. Ông P xin ly hôn bà T không đồng ý vì tương lai của các con sau này, muốn các con được sống vui vẻ, không phải mặc cảm, lo lắng, tổn thương vì cha mẹ ly hôn, mong ông P nghĩ đến tình cảm gia đình và con cái mà quay về hàn gắn đoàn tụ.

Dù vợ chồng ly thân nhưng bà T và 2 con vẫn sống với cha mẹ chồng, bà T là người trực tiếp nuôi con, hàng tháng ông P có cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/1 con/tháng từ khoảng 3 năm nay.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 233/2023/HNGĐ-ST ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà T. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 2/7/2009 do Ủy ban nhân dân phường 2 quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông P và bà T không còn hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là Bàng Bá K và Bàng Bá C cho đến khi thành niên. Ông P cấp dưỡng nuôi 2 con 6.000.000đ/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: ông P bà T xác định không có nên không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con chung sau khi ly hôn, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp

luật. Ngày 19/4/2023, bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn đồng thời là người kháng cáo trình bày:

Trước kia bà khai ông P có quan hệ ngoài luồng chứ không phải ông P ngoại tình, vợ chồng bà có cãi nhau nhưng theo bà việc đó là chuyện bình thường trong nhà, do đi làm tại Long An về nhà xa nên ông P ít về nhà chứ không phải vợ chồng ly thân, bà và ông P mới không sinh hoạt vợ chồng với nhau từ lúc ông P nộp đơn ly hôn. Bà không muốn ly hôn vì muốn con có cha, cha mẹ chồng bà cũng không đồng ý cho con mình ly hôn. Ông P có nói với bà tình cảm không còn nên muốn ly hôn nhưng bà không đồng ý ly hôn nên đã suy nghĩ, tìm cách hàn gắn, linh động sắp xếp công việc để có nhiều thời gian ở bên, ngồi nói chuyện với nhau với mong muốn ông P sẽ suy nghĩ lại nhưng ông không trả lời; bà có nói hai con nói chuyện với cha, kêu cha về với gia đình nhưng ông P không về chỉ ậm ừ cho qua. Thời gian qua bà vẫn chăm sóc nuôi dạy hai con, làm tròn bổn phận dâu con trong nhà nên cha mẹ ông P rất thương bà, ông bà có khuyên giải ông P và còn tổ chức các buổi đi chơi, gặp mặt gia đình, gọi ông P về dự để vợ chồng có điều kiện hàn gắn nhưng ông P không đồng ý. Bà không đồng ý ly hôn và vẫn muốn vợ chồng hàn gắn nên sẽ tiếp tục tạo điều kiện về thời gian để khuyên ông P về đoàn tụ với bà.

Trường hợp kháng cáo không được chấp nhận, bà đồng ý nuôi 2 con chung và mức cấp dưỡng nuôi con như quyết định của tòa sơ thẩm. Về tài sản chung và nợ chung bà T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là Luật sư Phạm Mạnh Hùng trình bày: theo lời khai của bà T và xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường 1 quận 6 thì mối quan hệ gia đình và xã hội của bà T ông P tại địa phương tốt, ông P đi làm ở Long An xa không thể thường xuyên về thành phố Hồ Chí Minh nên ông P khai vợ chồng sống ly thân là không đúng, bà T có ý kiến ở Tòa sơ thẩm là ông P có quan hệ ngoài luồng chứ không phải ông P đã ngoại tình. Bà T cũng là người hiếu nghĩa, làm tròn đạo dâu con trong nhà, được cha mẹ chồng yêu thương. Bà T và cha mẹ ông P đều không đồng ý cho ông P ly hôn, muốn ông P quay về chung sống đoàn tụ như vợ chồng trước kia để 02 cháu nội có đầy đủ cha mẹ, việc ông P đi chơi về rồi cho rằng bà T không hợp, xin tòa cho ly hôn là lý do không chính đáng, không thuyết phục. Giữa hai vợ chồng không có hành vi bạo lực gia đình, không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau, mâu thuẫn vợ chồng nếu có cũng chưa đến mức trầm trọng, gay gắt, đời sống chung có thể kéo dài do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo cho bà T được đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm lo cho con cái có cuộc sống tiến bộ, hạnh phúc.

Nguyên đơn ông Bàn Đạo P có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản đề ngày 04 và 20/7/2023 trình bày:

Ông và bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 2 Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà T thiếu tin tưởng và không tôn trọng ông, lúc đầu ông nghĩ mới kết hôn việc đó là bình thường nhưng mâu

thuần ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh lộn, cãi nhau to tiếng trước sự chứng kiến của cha mẹ ông và các con khiến các con bị ảnh hưởng và mệt mỏi vì phải chứng kiến cha mẹ đánh chửi nhau, cuộc sống chung ngày càng căng thẳng nên hai bên đã sống ly thân nhau từ 2017 đến nay để giảm bớt căng thẳng.

Ông P và bà T đã tự hòa giải, tìm cách hàn gắn nhiều lần nhưng không được vì cứ gặp nhau nói được một, hai câu là vợ chồng lại cãi vã, trách móc, buông lời gay gắt. Gia đình ông cũng tìm mọi biện pháp để hàn gắn quan hệ giữa hai vợ chồng nhưng bất thành vì bà T không hề tin tưởng, tôn trọng ông, ông và bà T không có tiếng nói chung về mọi mặt từ lối sống, tâm sinh lý, quan điểm sống quá khác biệt, cách nuôi dạy con cái... và hoàn toàn không còn tình cảm với nhau nên đã chính thức ly thân từ năm 2021 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không cải thiện được mâu thuẫn, mọi chuyện ngày càng nghiêm trọng không cách nào giải quyết để duy trì mối quan hệ nên ông đã quyết định nộp đơn ly hôn bà T. Hiện cả hai không thể nói chuyện được với nhau, nếu duy trì hôn nhân dù chỉ trên danh nghĩa như bà T nói chỉ làm xấu hơn tình trạng gia đình và ông không thể duy trì mối quan hệ trên danh nghĩa được mãi nên dứt khoát yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Đối với trình bày của cha mẹ ông do bà T cung cấp cho tòa án là không đúng sự thật, không căn cứ vì cha mẹ ông không hiểu hết những gì ông đã trải qua. Cha mẹ ông vì thương cháu nên mới có văn bản ý kiến trên, thực tế mẹ ông biết rõ ông và bà T không hòa hợp, ly thân sống riêng mấy năm nay, bà T cũng không chăm lo bất cứ chuyện gì trong nhà như cha mẹ ông trình bày mà chỉ đến chăm con rồi về nhà khác ở chứ hoàn toàn không sống nơi đó. Những buổi tiệc, hội nghị, chuyến đi chơi cùng gia đình do cha mẹ ông sắp xếp sẵn, những tấm hình hoàn toàn là sự bắt buộc và cưỡng ép từ phía gia đình để chụp hình và đi chung với nhau, ông vì thương cha mẹ đã lớn tuổi, không muốn họ buồn nên miễn cưỡng đi cùng bà T cho ra vẻ một gia đình để người thân vui vẻ, nhưng sự thật là tình cảm không còn nên cứ nhìn vẻ mặt ông là đủ hiểu. Vì chuyện ly hôn, cha ông đuổi ông ra khỏi nhà mấy tháng nay để K quyết ngăn cản, tình cảm cha con ảnh hưởng có tin nhắn đã nộp tòa. Không có luật pháp, cha mẹ nào cản trở hay ép ông phải sống trong hoàn cảnh gia đình lúc nào cũng áp lực, cãi nhau, không ai có quyền cưỡng ép ai chuyện hôn nhân kể cả cha mẹ khi không còn hạnh phúc theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Việc vợ chồng không thể tiếp tục chung sống chính bà T biết rõ và bà từng xin ly hôn ông một lần, ông tạo điều kiện cho bà một lần nhưng tới giờ không có gì thay đổi nên ông không thể sống cùng bà T nữa, Tòa không cho ông ly hôn hôm nay thì ngày mai ông lại nộp đơn tiếp để ly hôn bà T đến khi nào ly hôn được thì thôi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con, ông P đồng ý với quyết định của án sơ thẩm, không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu kháng cáo của bà T: bà T ông P có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tại tòa sơ thẩm bà T thừa

nhận bà và ông P không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2019 và chính thức sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay do ông P có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Bà T và gia đình đã tìm mọi cách hàn gắn lại quan hệ vợ chồng nhưng ông P không đồng ý quay về và cương quyết xin ly hôn bà T vì hai bên không còn tình cảm với nhau, quan hệ vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông P bà T đã đến mức độ trầm trọng, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng với nhau quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, không còn khả năng hàn gắn nên án sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T ông P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2 Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 22/7/2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông P có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà T do vợ chồng mâu thuẫn và được Tòa án nhân dân Quận 6 xử cho ly hôn; bà T không đồng ý ly hôn nên kháng cáo xin đoàn tụ. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, ông P bà T đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, về tài sản chung và nợ chung ông P bà T trình bày không có; phần này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên không xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà T:

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Theo trình bày của bà T tại bản khai ngày 14/02/2023 (BL 25), biên bản hòa giải ngày 29/03/2023 (BL 29) và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/4/2023 (BL 40) thì bà T, ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng do ông P có quan hệ tình cảm ngoài luồng với người phụ nữ khác, hai vợ chồng đã nói chuyện và tự hòa giải với nhau nhưng không thành. Bà T và ông P không còn quan hệ vợ chồng với nhau từ năm 2019, cũng từ đó ông P không nhắn tin thăm hỏi sức khỏe, tình hình của vợ con, tiền ai người đó giữ, đến năm 2021 thì chính thức ly thân với nhau cho đến nay cho thấy ông P và bà T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng với nhau.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T lại khai vợ chồng bà không có mâu thuẫn, do ông P đi làm xa nên ít về nhà chứ không phải vợ chồng sống ly thân, bà

và ông P mới không sinh hoạt vợ chồng từ lúc ông P nộp đơn ly hôn, bà T vẫn trực tiếp nuôi con và làm tròn bổn phận dâu con trong nhà. Theo người bảo vệ quyền lợi của bà T trình bày thì ông P có quan hệ ngoài luồng chứ không phải ông đã ngoại tình, giữa ông P và bà T không xảy ra hành vi bạo lực gia đình, không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau, mâu thuẫn vợ chồng nếu có cũng chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài và cung cấp chứng cứ là một số hình ảnh chụp cảnh bà T và ông P đi chơi, tham gia các buổi gặp mặt do gia đình tổ chức để đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi lời khai và cung cấp chứng cứ trên đây của bà T nhằm để được chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ với ông P nhưng lời khai và chứng này là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04 và 20/7/2023, ông P không phủ nhận việc chụp ảnh nhưng khẳng định những buổi gặp mặt, chụp hình trên là do gia đình, cha mẹ ông sắp xếp sẵn, ông vì thương cha mẹ đã lớn tuổi, không muốn họ buồn nên miễn cưỡng đi cùng bà T cho ra vẻ một gia đình để người thân vui vẻ nhưng sự thật là mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã không thể hóa giải, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa; việc ông và bà T không thể chung sống với nhau được nữa chính bà T biết rõ vì bà từng xin ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân quận 6 nhưng sau đó rút đơn về, ông đã tạo điều kiện cho bà một lần giờ không thể chịu đựng mãi tình trạng này nên cương quyết xin ly hôn bà T đến khi nào ly hôn được thì thôi.

Lời trình bày trên của ông P hoàn toàn phù hợp lời khai nhận của bà T tại phiên tòa phúc thẩm: do không đồng ý ly hôn nên bà T đã tìm nhiều cách hàn gắn như tạo điều kiện để có nhiều thời gian ở bên, nói chuyện thiệt hơn, tự hòa giải với ông P để ông suy nghĩ lại, nhờ các con và cha mẹ chồng hỗ trợ, khuyên giải ông P quay về, tạo điều kiện cho vợ chồng có cơ hội gặp mặt, đi chơi chung cùng gia đình để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông P vẫn không đổi ý chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông P với bà T là có thật, kéo dài đã lâu không thể giải quyết được. Bà T đã tìm nhiều cách và nhờ đến sự giúp đỡ của gia đình vẫn không có kết quả, cũng không đưa ra được biện pháp, cách thức nào hữu hiệu để cải thiện mối quan hệ vợ chồng cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P và bà T đã đến mức độ trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bản án sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn phải chịu; Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 306, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 233/2023/HNGĐ-ST ngày 17/04/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: ông Bàn Đạo P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là Bàn Bá K (nam), sinh ngày 14/01/2010 và Bàn Bá C (nam), sinh ngày 29/11/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/con/tháng, tổng cộng 2 con là 6.000.000đ/tháng cho đến khi 2 con thành niên.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ, án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000đ, tổng cộng 600.000đ ông Bàn Đạo P phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012910 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P còn phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0013206 ngày 21/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng ông P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM
- Chi cục THADS Quận 6;
- TAND Quận 6;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương